TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2017
"V/v Tranh chấp L hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Tuấn.**

2. Bà **Lê Ái Nguyên.**

Thư ký Tòa án: Ông **Ngô Văn Trường -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Ông **Trương Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ Ľ số: 129/2017/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp L hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 126/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Châu C.L** - sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp PB, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Trương Th.D** - sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp PB, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Châu C.L có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Anh Trương Th.D vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2017 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị L trình bày và yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị L cưới năm 2002, có đăng ký kết hôn, do vợ chồng sống không hạnh phúc, anh D bỏ nhà đi không biết anh đang ở đâu, hiện tại chị L không liên lạc Đ với anh D và cũng không còn tình cảm với anh D nên yêu cầu Đ L hôn anh D.

- Về con: Trong thời gian chung sống có Đ hai con chung là Trương T.Đ sinh ngày 03 tháng 9 năm 2003 và Trương V.M sinh ngày 19 tháng 11 năm 2005. Hiện tại cháu Đ sống chung anh D, cháu M đang sống chung chị L. Chị L yêu cầu Đ nuôi cháu M, đồng ý giao cháu Đ cho anh D tiếp tục nuôi.

- Về tài sản và nợ: Chị L xác định chị L và anh D không có tài sản chung và không có nợ chung, nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh D đã Đ triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt và cũng không có nộp cho Tòa án văn nêu ý kiến của anh D đối với yêu cầu của chị L.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chị L được ly hôn anh D.

+ Về con chung: Giao cháu Trương V.M sinh ngày 19 tháng 11 năm 2005 cho chị L tiếp tục nuôi, giao cháu Trương T.Đ sinh ngày 03 tháng 9 năm 2003 cho anh D tiếp tục nuôi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, không đặt ra xem xét giải quyết.

**** Các tình tiết của vụ án:***

- Chị L và anh D sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

- Chị L và anh D có hai con chung. Cháu Trương T.Đ sinh ngày 03 tháng 9 năm 2003 đang sống chung anh D, cháu Trương V.M sinh ngày 19 tháng 11 năm 2005 đang sống chung chị L.

- Anh D vắng mặt tại địa phương.

- Chị L và anh D không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn anh D, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do chị L có đơn yêu cầu được vắng mặt và anh D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L và anh D trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của chị L về hôn nhân: Chị L và anh D tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 26 tháng 12 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã V, đây là hôn nhân hợp pháp. Do trong thời gian chung sống anh D và chị L có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến anh D bỏ nhà đi cho đến nay, hiện tại chị L đã không còn tình cảm với anh D nên yêu cầu được L hôn anh D.

Ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và tiến hành tống đạt thông báo thụ lý về việc chị L có yêu cầu L hôn với anh D. Đồng thời, anh D đã Đ Tòa án triệu tập làm việc và hòa giải 02 lần, triệu tập hợp lệ xét xử 02 lần nhưng anh D không đến theo giấy triệu tập của Tòa án; Điều này chứng tỏ anh D đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D, không mong muốn tiếp tục hôn nhân với chị L. Bên cạnh đó, qua trình bày của chị L về các mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày giữa chị L và anh D, về việc anh D bỏ nhà và địa phương đi không xác định được nơi ở hiện nay và về việc chị L không còn tình cảm với anh D. Từ đó, Hội đồng xét xử cũng có đủ cơ sở xác định đời sống chung của chị L và anh D không hạnh phúc, hôn nhân đang trong tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục đời sống chung, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L Đ L hôn anh D.

[4] Xét về con chung: Chị L và anh D có hai con chung, Tòa án không làm việc được với anh D và cháu Đ, nhưng theo trình bày của chị L và theo nguyện vọng của cháu M. Hội đồng xét xử giao cháu Trương T.Đ sinh ngày 03 tháng 9 năm 2003 cho anh D nuôi, giao cháu Trương V.M sinh ngày 19 tháng 11 năm 2005 cho chị L nuôi. Không có đương sự yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do chị L xác định anh D và chị L không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí trong vụ án: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh D không phải chịu án phí.

[7] Về chi phí tố tụng: Chị L tự nguyên chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình Đ sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Châu C.L và anh Trương Th.D

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trương T.Đ sinh ngày 03 tháng 9 năm 2003 cho anh D nuôi, giao cháu Trương V.M sinh ngày 19 tháng 11 năm 2005 cho chị L nuôi. Anh D và chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3 Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Do chị L xác định anh D và chị L không có tài sản chung và không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009903 ngày 26 tháng 6 năm 2017,chuyển thu án phí 300.000đ. Anh D không phải chịu án phí.

5. Về chi phí tố tụng: Chị L tự nguyện chịu. Chi L đã nộp số tiền 3.000.000đ, chi thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hết số tiền 2.905.000đ, chị L đã nhận lại số tiền 95.000đ.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận Đ hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang